

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, 04th August, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Name of organization: BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: **BFC**

- Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, Xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: C12/21 Le Kha Phieu Street, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799

- E-mail: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2026.

Reviewed separate financial statements and consolidated financial statements for the first six months of 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/08/2026 tại đường dẫn www.binhdien.com.

This information was published on the company's website on 04th August, 2026, as in the link www.binhdien.com.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026.
- Reviewed financial statements for the first six months of 2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trần Ngọc Hùng
Tran Ngoc Hung



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**[®])

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	06 - 07
3. Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 – 46
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	47
8. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	48 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) và 5 công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 06 ngày 18 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trụ sở hoạt động**• Trụ sở chính**

Địa chỉ : C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3756 1191

Fax : +84 (28) – 3756 0686

Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

• Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	29/04/2025	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	29/04/2025	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	29/04/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	29/04/2025	
Ông Nguyễn Bảo Vệ	Thành viên	29/04/2025	

• Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Trưởng ban	29/04/2025	
Bà Bùi Nguyễn Phương Anh	Thành viên	29/04/2025	
Ông Quản Đình Gang	Thành viên	29/04/2025	

• Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	18/12/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17/10/2023	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	19/06/2026	
Ông Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	19/06/2026	
Ông Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng	01/09/2022	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 49.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Số: 310702/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2026, từ trang 08 đến trang 49, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Kết quả kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.870.879.985.499	3.313.863.634.044
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	169.883.888.960	250.246.241.891
1. Tiền	111		169.883.888.960	190.246.241.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.200.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.200.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		716.760.492.776	652.291.657.982
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	738.433.706.402	674.386.056.864
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.417.454.467	21.287.378.480
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	16.037.218.748	13.880.958.979
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(57.127.886.841)	(57.262.736.341)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2.810.572.000.308	2.283.040.616.147
1. Hàng tồn kho	141		2.811.157.262.175	2.283.625.878.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(585.261.867)	(585.261.867)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		168.463.603.455	123.285.118.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	161	V.8a	11.382.181.233	11.539.863.952
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		155.796.163.962	109.999.487.311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	1.285.258.260	1.745.766.761
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633.124.100.343	654.861.635.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.683.512.545	4.683.512.545
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	4.683.512.545	4.683.512.545
II. Tài sản cố định	220		584.188.272.305	612.364.657.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	379.274.744.453	404.885.523.501
- Nguyên giá	222		1.341.041.058.961	1.341.709.114.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(961.766.314.508)	(936.823.590.566)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	6.327.742.671	7.133.222.745
- Nguyên giá	225		9.978.606.100	9.978.606.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.650.863.429)	(2.845.383.355)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	198.585.785.181	200.345.911.299
- Nguyên giá	228		245.260.243.857	245.260.243.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.674.458.676)	(44.914.332.558)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		30.995.325.441	5.495.667.522
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	30.995.325.441	5.495.667.522
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.13	4.731.106.632	4.731.106.632
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		11.661.918.871	11.661.918.871
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264		(6.930.812.239)	(6.930.812.239)
VI. Tài sản dài hạn khác	270		8.525.883.420	27.586.691.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.8b	6.966.000.962	6.211.309.916
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.559.882.458	21.375.381.190
3. Lợi thế thương mại	279	V.14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		4.504.004.085.842	3.968.725.269.394

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.702.762.869.351	2.273.075.536.652
I. Nợ ngắn hạn	310		2.699.234.543.478	2.267.619.348.126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	352.028.210.123	356.109.013.541
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	12.012.595.789	30.844.628.103
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.374.193.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	131.351.840.060	156.072.137.917
5. Phải trả người lao động	315		98.936.982.910	143.777.269.032
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	155.295.300.867	142.847.427.954
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	13.672.009.629	11.533.680.511
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a	1.838.634.272.982	1.367.515.557.390
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	95.929.138.118	58.919.633.678
II. Nợ dài hạn	330		3.528.325.873	5.456.188.526
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b	3.528.325.873	5.456.188.526
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.801.241.216.491	1.695.649.732.742
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.801.241.216.491	1.695.649.732.742
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		571.679.930.000	571.679.930.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.230.059.200	24.230.059.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		234.329.490.235	234.329.490.235
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		13.191.833.055	13.191.833.055
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		652.923.592.635	537.861.518.882
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		495.217.873.234	227.985.277.437
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		157.705.719.401	309.876.241.445
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		304.886.311.366	314.356.901.370
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.504.004.085.842	3.968.725.269.394

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026
Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.117.982.933.250	6.181.520.191.854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	74.079.427.598	92.695.299.797
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.043.903.505.652	6.088.824.892.057
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.386.967.993.027	5.301.358.048.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		656.935.512.625	787.466.843.917
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	8.572.370.571	12.364.954.624
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	60.846.628.055	31.852.466.743
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		50.059.925.715	17.942.679.961
9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25		-	-
10. Chi phí bán hàng	26	VI.6	256.022.152.576	329.281.998.645
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	VI.7	109.121.196.616	117.434.815.467
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		239.517.905.949	321.262.517.686
13. Thu nhập khác	31	VI.8	1.462.136.384	1.325.596.439
14. Chi phí khác	32	VI.9	1.194.018.515	551.491.318
15. Lợi nhuận khác	40		268.117.869	774.105.121
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		239.786.023.818	322.036.622.807
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	26.333.822.480	48.197.725.317
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		19.815.498.732	15.185.894.660
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		193.636.702.606	258.653.002.830
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		157.705.719.401	208.316.374.662
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		35.930.983.205	50.336.628.168
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.483	3.260
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.483	3.260

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	V.17	239.786.023.818	322.036.622.807
2. Điều chỉnh cho các khoản			90.639.689.892	56.764.318.865
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	V.9; V.10; V.11	42.634.778.845	46.281.300.886
- Các khoản dự phòng	03		(134.849.500)	(2.569.537.316)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(32.038.841)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(1.920.165.168)	(4.858.085.825)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	50.059.925.715	17.942.679.961
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		330.425.713.710	378.800.941.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109.670.153.444)	(676.521.463.348)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(527.531.384.161)	40.229.673.825
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(54.628.147.282)	270.426.215.441
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(597.008.327)	(5.598.987.350)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(50.527.284.719)	(18.410.038.965)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(49.125.533.874)	(47.493.696.308)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	63.032.443	1.281.567.500
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	V.21	(22.593.172.860)	(21.371.754.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(484.183.938.514)	(78.657.542.106)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.11; V.12	(39.958.051.524)	(20.420.202.962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		926.500.000	804.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	993.665.168	4.171.599.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.237.886.356)	(9.444.403.668)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	2.521.536.079.287	1.883.025.199.704
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(2.050.105.678.695)	(1.895.910.790.176)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(2.239.547.653)	(1.365.067.165)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII.1	(27.131.381.000)	(170.079.265.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		442.059.471.939	(184.329.923.209)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(80.362.352.931)	(272.431.868.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	250.246.241.891	626.550.473.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	32.038.841
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	169.883.888.960	354.150.643.457

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Phân bón Bình Điền (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.273 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.311 nhân viên.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan.

8. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Doanh thu kỳ này giảm 17,21% so với cùng kỳ năm trước và giá nguyên liệu sản xuất thành phẩm kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước, khiến tỷ lệ lãi gộp giảm 16,58% so với cùng kỳ năm trước. Dưới tác động của việc tăng chi tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay làm cho lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này giảm 25,14% so với cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư Số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư Số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định như sau:

- Đối với các khoản phải thu: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các khoản phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các giao dịch mua bán ngoại tệ: là tỷ giá theo hợp đồng mua bán ngoại tệ ký kết với ngân hàng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua/bán/chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, là ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Trong đó:

- Tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản, với tỷ giá 26.106 VND/USD;
- Nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán chuyển khoản, với tỷ giá 26.466 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo quy định hiện hành.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng/ hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ Công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho bên thuê. Việc phân loại thuê tài sản là thuê tài chính hay thuê hoạt động được căn cứ vào bản chất của các điều khoản trong hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị hiện tại thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê, cộng (+) các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu được xác định theo lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định thì Công ty sử dụng lãi suất vay vốn biên tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản để chiết khấu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được phân bổ giữa chi phí tài chính và khoản nợ gốc phải trả theo phương pháp lãi suất thực tế nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ không đổi trên số dư nợ còn lại của khoản nợ thuê tài chính.

Chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch thuê tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao áp dụng đối với tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty. Trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi kết thúc thời hạn thuê, tài sản được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 07 – 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền

Chi phí liên quan đến các giấy phép nhượng quyền thương hiệu. Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chỉ các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cổ đông, thành viên góp vốn về cổ tức, lợi nhuận đã được phê duyệt phân phối nhưng chưa thanh toán. Khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty không còn quyền từ chối nghĩa vụ chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán liên quan của doanh nghiệp.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại ($\leq$ hoặc > 12 tháng) và nghĩa vụ thanh toán tại thời điểm báo cáo.

Nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ...) được phân bổ theo thời hạn vay; lãi vay tuân thủ nguyên tắc vốn hóa theo chuẩn mực liên quan.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết theo từng khoản vay, từng hợp đồng, từng đối tượng cho vay và kỳ hạn để phục vụ quản lý và trình bày Báo cáo tài chính.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch sản phẩm, bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch sản phẩm, bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận phù hợp với doanh thu của giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

25. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

26. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, số phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho công ty mẹ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào vốn chủ sở hữu.

29. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Doanh nghiệp tính giá trị lãi suy giảm trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ.

Doanh nghiệp phải điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

30. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

31. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Tập đoàn.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.967.776.259	9.005.623.672
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	167.916.112.701	181.240.618.219
- Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
Cộng	169.883.888.960	250.246.241.891

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó giá trị khoản tiền gửi tiết kiệm cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 5.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng không là bên liên quan	738.433.706.402	674.386.056.864
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	122.858.950.824	199.529.469.350
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	44.065.093.338	12.553.355.325
- Các khách hàng khác	571.509.662.240	462.303.232.189
Cộng	738.433.706.402	674.386.056.864

Trong đó, giá trị nợ phải thu khách hàng luân chuyển cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 135.195.257.091 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán không là bên liên quan	19.417.454.467	21.287.378.480
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ TQD	2.928.243.680	-
- Công ty Cổ phần TM và Phân bón Gia Huy	2.175.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	14.314.210.787	21.287.378.480
Cộng	19.417.454.467	21.287.378.480

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu khác không là bên liên quan	16.037.218.748	-	13.880.958.979	-
- Tạm ứng nhân viên	1.926.224.975	-	504.105.914	-
- Phải thu ngắn hạn khác	14.110.993.773	-	13.376.853.065	-
Cộng	16.037.218.748	-	13.880.958.979	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
Phải thu khác không là bên liên quan	848.671.000	-	848.671.000	-
- Phải thu dài hạn khác	848.671.000	-	848.671.000	-
Cộng	4.683.512.545	-	4.683.512.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	13.627.505.762	(13.627.505.762)	13.627.505.762	(13.627.505.762)
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	23.950.709.654	(23.950.709.654)	23.950.709.654	(23.950.709.654)
- Các đối tượng khác	19.549.671.425	(19.549.671.425)	19.714.520.925	(19.684.520.925)
Cộng	57.127.886.841	(57.127.886.841)	57.292.736.341	(57.262.736.341)

Tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(57.262.736.341)	(56.556.115.756)
Dự phòng tăng trong kỳ	-	(930.462.684)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	134.849.500	-
Số cuối kỳ	(57.127.886.841)	(57.486.578.440)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	1.939.758.500.223	(585.261.867)	1.621.138.128.118	(585.261.867)
- Công cụ, dụng cụ	12.472.396.504	-	10.664.729.792	-
- Chi phí SXKD dở dang	71.909.046.548	-	33.874.339.110	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	725.272.179.215	-	580.265.363.435	-
- Hàng hóa	19.949.496.212	-	12.421.812.964	-
- Hàng gửi đi bán	41.795.643.473	-	25.261.504.595	-
Cộng	2.811.157.262.175	(585.261.867)	2.283.625.878.014	(585.261.867)

Trong đó giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ dùng để thế chấp các khoản vay là 1.133.143.334.227 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.**8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	3.305.996.792	4.046.035.905
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.076.184.441	7.493.828.047
Cộng	11.382.181.233	11.539.863.952

Tình hình tăng, giảm chi phí chờ phân bổ ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.539.863.952	5.977.308.328
Tăng trong kỳ	9.179.745.151	6.074.115.924
Phân bổ trong kỳ	(9.337.427.870)	(4.280.474.182)
Số cuối kỳ	11.382.181.233	7.770.950.070

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	291.656.330	3.164.574.118
- Chi phí trả trước dài hạn khác	6.674.344.632	3.046.735.798
Cộng	6.966.000.962	6.211.309.916

Tình hình tăng, giảm chi phí chờ phân bổ dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.211.309.916	2.892.986.414
Tăng trong kỳ	3.476.138.127	5.886.680.417
Phân bổ trong kỳ	(2.721.447.081)	(2.081.334.809)
Số cuối kỳ	6.966.000.962	6.698.332.022

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	4.324.590.000	5.654.016.100	9.978.606.100
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua mới trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	4.324.590.000	5.654.016.100	9.978.606.100
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	1.132.041.393	1.713.341.962	2.845.383.355
2. Khấu hao tăng trong kỳ	360.382.500	445.097.574	805.480.074
- Khấu hao trong kỳ	360.382.500	445.097.574	805.480.074
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.492.423.893	2.158.439.536	3.650.863.429
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.192.548.607	3.940.674.138	7.133.222.745
Số cuối kỳ	2.832.166.107	3.495.576.564	6.327.742.671

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn ^(*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn ^(*)	Giấy phép nhượng quyền	Chương trình phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá					
Số đầu năm	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.749.930.800	245.260.243.857
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	114.687.620.655	124.498.292.402	324.400.000	5.749.930.800	245.260.243.857
II. Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	41.186.563.073	324.400.000	3.403.369.485	44.914.332.558
Tăng trong kỳ	-	1.389.429.456	-	370.696.662	1.760.126.118
Khấu hao trong kỳ	-	1.389.429.456	-	370.696.662	1.760.126.118

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn ^(*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn ^(*)	Giấy phép nhượng quyền	Chương trình phần mềm	Cộng
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	42.575.992.529	324.400.000	3.774.066.147	46.674.458.676
III. Giá trị còn lại					
Số đầu năm	114.687.620.655	83.311.729.329	-	2.346.561.315	200.345.911.299
Số cuối kỳ	114.687.620.655	81.922.299.873	-	1.975.864.653	198.585.785.181

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.349.439.056 đồng.
- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 98.484.060.671 đồng (xem tại thuyết minh V.20).

^(*) Quyền sử dụng đất cuối kỳ của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn sử dụng đến ngày 08/09/2054.
- Quyền sử dụng 30.317,9 m² đất thuê (thửa số 856; tờ bản đồ số 26) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng 87.400 m² đất thuê (thuộc TK 278B (thửa số 2); tờ bản đồ số 100002) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO5560264, CO5560265 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 31/07/2014. Quyền sử dụng này đã thế chấp khoản vay (xem thêm tại Thuyết minh V.20). Thời hạn sử dụng 50 năm.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Thời hạn sử dụng 42 năm.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189702 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là lô A10.1 đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Thời hạn sử dụng 45 năm. Quyền sử dụng đất này được Công ty thế chấp tại cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (Xem thuyết minh V.20)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:

- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của công ty mẹ

- Chi phí sửa chữa tại nhà máy của các công ty con

Cộng

Số cuối kỳ

19.876.502.688

11.118.822.753

30.995.325.441**Số đầu năm**

4.927.245.300

568.422.222

5.495.667.522**13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽¹⁾	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)
Cộng	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)

Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2026 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường, Tập đoàn xác định giá trị hợp lý bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

14. Lợi thế thương mại

Các khoản lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua các công ty con đã được phân bổ hết do đã phân bổ hết thời gian phân bổ tối đa 10 năm.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Phải trả người bán là bên liên quan

- Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội

Phải trả người bán không là bên liên quan

- Công ty TNHH TM Thủy Ngân

- Công ty Cổ phần Tổng Công ty KC Hà Tĩnh

- Các nhà cung cấp khác

Cộng**Số cuối kỳ**

-

352.028.210.123

22.777.313.427

29.303.369.000

299.947.527.696

352.028.210.123**Số đầu năm**

251.750.000

251.750.000

355.857.263.541

92.310.670.400

2.100.000.000

261.446.593.141

356.109.013.541

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:

Người mua trả tiền trước là bên liên quan**Người mua trả tiền trước không là bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hải Hậu

- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

Cộng**Số cuối kỳ**

-

12.012.595.789

1.009.901.503

11.002.694.286

12.012.595.789**Số đầu năm**

-

30.844.628.103

5.793.488.400

25.051.139.703

30.844.628.103

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	571.581.009	25.445.607	9.048.687.575	(9.174.930.615)	509.267.136	89.374.774
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	165.729.964	(165.729.964)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.080.023.609	(4.080.023.609)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	36.724.080.163	41.354.612	26.333.822.480	(49.125.533.874)	13.932.368.769	41.354.612
- Thuế thu nhập cá nhân	3.482.890.366	9.879.207	12.640.645.201	(16.226.837.982)	1.040.489.253	1.153.670.874
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	1.438.461.251	5.746.697.857	(3.579.132.662)	729.103.944	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
- Các khoản khác	605.965.724	230.626.084	635.614.705	(908.991.828)	452.990.303	858.000
Cộng	156.072.137.917	1.745.766.761	58.654.221.391	(83.264.180.534)	131.351.840.060	1.285.258.260

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	239.786.023.818	322.036.622.807
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	704.178.196	328.141.760
+ Chi phí không hợp lý	704.178.196	328.141.760
+ Chênh lệch tạm thời tính thuế	-	-
+ Lỗ thu nhập chịu thuế trong năm của các công ty trong Tập đoàn	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(108.606.833.502)	(75.929.473.300)
+ Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ kỳ trước	(99.077.493.658)	(75.929.473.300)
+ Điều chỉnh giảm khác	(9.529.339.844)	
Thu nhập chịu thuế	131.883.368.512	246.435.291.267
Kết chuyển lỗ tính thuế các kỳ trước chuyển sang	(620.788.094)	-
Thu nhập tính thuế	131.262.580.416	246.435.291.267
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong kỳ (với thuế suất 20%)	26.252.516.083	49.287.058.254
Xác định lại thuế TNDN các năm trước	81.306.397	(1.089.332.937)
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	26.333.822.480	48.197.725.317

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	153.085.443.208	142.597.890.384
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>2.209.857.659</u>	<u>249.537.570</u>
Cộng	<u>155.295.300.867</u>	<u>142.847.427.954</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>13.672.009.629</i>	<i>11.533.680.511</i>
- Kinh phí công đoàn	3.254.413.586	3.065.326.724
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>10.417.596.043</u>	<u>8.468.353.787</u>
Cộng	<u>13.672.009.629</u>	<u>11.533.680.511</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	<i>1.838.322.587.982</i>	<i>1.838.322.587.982</i>	<i>1.366.892.187.390</i>	<i>1.366.892.187.390</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽¹⁾	378.278.104.097	378.278.104.097	181.133.784.053	181.133.784.053
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. HCM ⁽²⁾	521.345.877.211	521.345.877.211	166.562.721.709	166.562.721.709
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tp. HCM ⁽³⁾	78.428.186.173	78.428.186.173	79.537.560.903	79.537.560.903
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tân Định ⁽⁴⁾	130.000.000.000	130.000.000.000	128.095.819.600	128.095.819.600
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽⁵⁾	55.569.147.050	55.569.147.050	50.149.171.570	50.149.171.570
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽⁶⁾	25.428.169.911	25.428.169.911	34.923.109.137	34.923.109.137
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽⁷⁾	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁸⁾	37.298.232.174	37.298.232.174	117.205.410.454	117.205.410.454
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽⁹⁾	34.913.185.150	34.913.185.150	48.483.708.000	48.483.708.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Trị	-	-	5.795.000.000	5.795.000.000
- Câu lạc bộ Nghĩa tình Quảng Trị ⁽¹⁰⁾	3.974.000.000	3.974.000.000	3.424.000.000	3.424.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN –	136.975.591.680	136.975.591.680	46.399.781.850	46.399.781.850

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CN Lâm Đồng ⁽¹¹⁾				
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng	-	-	28.400.972.299	28.400.972.299
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN huyện Đức Trọng Lâm Đồng ⁽¹²⁾	24.328.521.000	24.328.521.000	25.422.700.368	25.422.700.368
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹³⁾	143.975.444.819	143.975.444.819	280.706.349.686	280.706.349.686
- Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình ⁽¹⁴⁾	129.965.219.906	129.965.219.906	85.059.145.460	85.059.145.460
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Ninh Bình ⁽¹⁵⁾	97.842.908.811	97.842.908.811	45.592.952.301	45.592.952.301
Nợ thuê tài chính đến hạn trả⁽¹⁶⁾	311.685.000	311.685.000	623.370.000	623.370.000
Cộng	1.838.634.272.982	1.838.634.272.982	1.367.515.557.390	1.367.515.557.390

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/5762220/HĐTD ngày 23 tháng 09 năm 2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé và Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền:

Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Hiệu lực: đến ngày 23/09/2026

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- (2) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:

- a. Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM như sau theo Hợp đồng cấp tín dụng số 22/486080/26-DN2/N-CTD ngày 10 tháng 03 năm 2026:

Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Hiệu lực: đến ngày 03/03/2027

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- b. Vay ngắn hạn NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo hợp cấp tín dụng số 94/10946914/25-DN2/N-CTD ngày 12/11/2025

Hạn mức vay : 50.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khâ Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

- + Toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 74/10946914/25-DN2/CC ngày 12/11/2025. Chi tiết xem tại mục V.7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính;
- + Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 0092/2238/CCDN2 ký ngày 14/04/2022 là 2.500.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có). Chi tiết xem tại mục V.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- (3) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.5229630/2025-HĐCVHM/NHCT900-BFC ngày 28 tháng 07 năm 2025:
- Hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (4) Thông tin khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-202500788 ngày 08 tháng 10 năm 2025:
- Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng.
- Hình thức vay: tín chấp.
- Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón năm 2025 - 2026.
- (5) Vay ngắn hạn NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn theo hợp đồng cho vay hạn mức 2550347145/2025-HĐCVHM/NHCT923- BINH DIEN MEKONG ngày 21/07/2025.
- Hạn mức vay : 80.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.
- Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
- Tài sản đảm bảo:
- + Toàn bộ hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm với giá trị không thấp hơn 70 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 150270079/HĐTC/SDBS-04 ngày 05/02/2020. Chi tiết xem tại mục V.7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính;
- + Nhà cửa, kiến trúc và máy móc thiết bị tại nhà máy phân bón Bình Điền - Mekong tại KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, của Công ty Cổ phần Bình Điền - MeKong theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270116/HĐTC ngày 08/06/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 189220173/2018/HĐBD/NHCT923 ngày 02/07/2018. Chi tiết xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính
- (6) Vay ngắn hạn TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn - theo hợp đồng cho vay hạn mức số SHB/BSG/BDMK/HDTD/2024-01 ngày 27/05/2025 và hợp đồng gia hạn – sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 23/06/2026:
- Hạn mức vay : 35.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo:

+ Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số SHB/BSG/BDMK/HDCC/2024-01 ký ngày 27/05/2024 là 2.500.000.000 đồng giữa ngân hàng và Công ty cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có). Chi tiết xem tại mục V.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- (7) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-2026 ngày 29/05/2026.

Hạn mức: 40.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: dưới 12 tháng.

Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/TSHTTLT ngày 11/11/2019.. Xem tại thuyết minh V.9.

- (8) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1606/2025-HĐCVHM/NHCT450-BINH DIEN ngày 16/06/2025.

Hạn mức: 150.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 16/06/2025 đến ngày 15/06/2026.

Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2404/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 03/05/2018. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BINH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.3 và V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 - BINH DIEN ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-2/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BINH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-1/2019/HĐBĐ/NHCT450 - BINH DIEN ngày 13/11/2019. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19/11/2018. Xem tại thuyết minh V.9;

+ Hợp đồng thế chấp Hàng hoá số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014. Xem tại thuyết minh V.7;

+ Hợp đồng thế chấp Quyền Tài sản số 1403/2014/TCQTS ngày 14/03/2014. Xem tại thuyết minh V.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

- (9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 62BB/HĐHM/2024 ngày 19/08/2025 Hạn mức: 90.000.000.0000 đồng
- Hạn mức: 90.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 29BB.HĐTC/2019 ngày 17/07/2019. Xem thuyết minh V.7.
- (10) Là khoản vay của CLB Nghĩa Tình Quảng Trị theo Hợp đồng vay vốn số 252/HĐVV-BĐQT ngày 09/11/2022 và Hợp đồng vay vốn số 397/HĐVV-BĐQT ngày 31/10/2025.
- Số tiền vay: 3.424.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu.
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo lãi suất của ngân hàng mà Công ty đang vay vốn ngắn hạn.
- Tài sản đảm bảo: tín chấp.
- (11) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lâm Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 42/2026/HĐCVHM/NHCT620/KHDN ngày 12 tháng 06 năm 2026:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng.
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 12/06/2026 đến hết ngày 09/06/2027.
- Lãi suất: từng lần theo giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón.
- Tài sản thế chấp:
- + Quyền sở hữu Công trình xây dựng và quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 theo Văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản số 41DN-TC/2020/HĐBĐ/NHCT620/VBSĐ02 ngày 08/07/2020 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 27/2025/HĐBĐ/NHCT620/KHDN ngày 20/06/2025. Giá trị của tài sản thế chấp là 150.457.000.000 đồng (Xem tại thuyết minh V.9 và V.11)
- + Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 57DN-TC/2019/HĐBĐ/NHCT620 ngày 23/08/2019 và Văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 57DN-TC/2019/HĐBĐ/NHCT620/VBSĐ02 ngày 09/06/2025. Giá trị tài sản thế chấp là 31.000.000.000 đồng. (Xem tại thuyết minh V.7)
- (12) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn VN - CN huyện Đức Trọng Lâm Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 5412-LAV-202601515 ngày 19 tháng 06 năm 2026:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng.
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng.
- Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tài sản thế chấp: vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

(13) Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Bình như sau:

a. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT400-BĐ ngày 10/10/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức vay : 250.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : từ ngày 10/10/2025 đến 09/10/2026.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

b. Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2025-HĐCVHM/NHCT400-BĐ ngày 10/10/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức vay : 150.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay : từ ngày 10/10/2025 đến 09/10/2026.

Lãi suất vay : theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: + Toàn bộ hạn mức công trình gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn,... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình được tại khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Hàng hoá tồn kho luân chuyển và quyền phải thu luân chuyển của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình. Xem tại mục V.3, V.7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(14) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Ninh Bình theo Hợp đồng cấp tín dụng số 318700.25.230.9988707.TD ngày 30/07/2025 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 27/06/2026.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón.

Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(15) Thông tin vay ngân hàng TMCP Hàng Hải VN- Chi nhánh Ninh Bình theo các hợp đồng sau:

a. Hợp đồng cho vay hạn mức số 112-00059150.03067/2026/HĐTD ngày 25/02/2026 và văn bản sửa đổi bổ sung:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng.

Lãi suất: theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản số 112-00059150.03067/2026/HĐTC.

b. Hợp đồng cho vay hạn mức số 112-00063425.08867/2026/HĐTD ngày 27/05/2026 và văn bản sửa đổi bổ sung:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng.

Lãi suất: theo từng lần trên giấy nhận nợ.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản số 112-00063425.03065/2026/HĐTC.

⁽¹⁶⁾ Thông tin nợ vay tài chính dài hạn đến hạn trả như sau sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 30/06/2026 lần lượt là 135.855.000 đồng và 175.830.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

Tình hình tăng, giảm các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.366.892.187.390	2.521.536.079.287	(2.050.105.678.695)	1.838.322.587.982
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	623.370.000	-	(311.685.000)	311.685.000
Cộng	1.367.515.557.390	2.521.536.079.287	(2.050.417.363.695)	1.838.634.272.982

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	74.337.398	74.337.398	1.920.000.000	1.920.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	74.337.398	74.337.398	1.920.000.000	1.920.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.453.988.475	3.453.988.475	3.536.188.526	3.536.188.526
- Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease ⁽²⁾	272.387.643	272.387.643	272.387.643	272.387.643
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM ⁽³⁾	3.181.600.832	3.181.600.832	3.263.800.883	3.263.800.883
Cộng	3.528.325.873	3.528.325.873	5.456.188.526	5.456.188.526

⁽¹⁾ Thông tin khoản vay NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn như sau:

Hạn mức tín dụng: 24.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền - Mekong.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo:

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Lô A10.1 Đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp theo HĐ thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBD/NHCT923 ngày 12/07/2018 (xem tại Thuyết minh V.11).

- (2) Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease như sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B220306003 ngày 07/03/2022, có tổng giá trị thuê là 840.000.000 đồng. Thời hạn: 48 tháng, lãi suất: 8,62%/năm.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số B240123403 ngày 18/01/2024, có tổng giá trị thuê là 430.000.000 đồng. Thời hạn :36 tháng, lãi suất: 10,14%/năm.

- (3) Thông tin khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Tp. HCM như sau:

Giá trị thuê: 3.507.570.000 đồng.

Thời hạn thuê: 60 tháng.

Lãi suất: 4,7%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	5.456.188.526	-	(1.927.862.653)	3.528.325.873
Cộng	5.456.188.526	-	(1.927.862.653)	3.528.325.873

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	58.919.633.678	59.539.644.857	63.032.443	(22.593.172.860)	95.929.138.118
Cộng	58.919.633.678	59.539.644.857	63.032.443	(22.593.172.860)	95.929.138.118

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi tiết gồm:	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	-	142.919.982.500

22d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

22e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

23. Các mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ*Ngoại tệ các loại**Chi tiết gồm:*

Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	309,946.96	119,968.17

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoa Tường	3.364.075.368	3.364.075.368
Lê Văn Xuân Tường	827.267.218	827.267.218
Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Anh Kiệt S.G	692.787.624	692.787.624
Công ty TNHH MTV TM DV Hoàng Trang	538.038.555	538.038.555
DNTN Nguyễn Hương	507.374.220	507.374.220
DNTN Tiến Nam	195.615.850	195.615.850
Cộng	6.125.158.835	6.125.158.835

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm	5.073.389.850.222	6.145.061.972.920
- Doanh thu bán nguyên liệu, hàng hóa	21.133.528.904	30.515.080.591
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	23.459.554.124	5.943.138.343
Cộng	5.117.982.933.250	6.181.520.191.854

Doanh thu với các bên liên quan

Không phát sinh

2. Các khoản giảm trừ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	73.942.827.598	92.695.299.797
- Hàng bán bị trả lại	136.600.000	-
Cộng	74.079.427.598	92.695.299.797

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của thành phẩm	4.360.016.184.635	5.279.430.385.275
- Giá vốn của nguyên liệu, hàng hóa đã bán	12.219.258.637	21.529.111.980
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	14.732.549.755	398.550.885
Cộng	4.386.967.993.027	5.301.358.048.140

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	993.665.168	4.171.599.294
- Lãi chênh lệch tỷ giá	7.557.408.653	8.193.355.330
- Doanh thu tài chính khác	21.296.750	-
Cộng	8.572.370.571	12.364.954.624

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	50.059.925.715	17.942.679.961
- Chiết khấu thanh toán	6.906.392.500	13.284.236.176
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.701.467.252	625.550.606
- Chi phí tài chính khác	178.842.588	-
Cộng	60.846.628.055	31.852.466.743

6. Chi phí bán hàng

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	25.735.410.916	32.697.123.548
- Chi phí quảng bá, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	146.268.411.471	193.587.150.184
- Chi phí khấu hao TSCĐ	182.606.694	120.228.102
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.681.710.277	47.905.050.567
- Chi phí bằng tiền khác	33.154.013.218	54.972.446.244
Cộng	256.022.152.576	329.281.998.645

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	47.480.867.018	56.806.874.693
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.956.377.866	3.599.054.030
- Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(134.849.500)	933.462.684
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.509.036.228	43.148.887.890
- Chi phí bằng tiền khác	14.309.765.004	12.946.536.170
Cộng	109.121.196.616	117.434.815.467

8. Thu nhập khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	926.500.000	804.200.000
- Thu nhập khác	535.636.384	521.396.439
Cộng	1.462.136.384	1.325.596.439

9. Chi phí khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí khác	1.194.018.515	551.491.318
Cộng	1.194.018.515	551.491.318

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	157.705.719.401	208.316.374.662
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(15.770.571.940)	(21.931.120.079)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(15.770.571.940)	(21.931.120.079)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	141.935.147.461	186.385.254.583
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.483	3.260

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong năm nay.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	157.705.719.401	208.316.374.662
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(15.770.571.940)	(21.931.120.079)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(15.770.571.940)	(21.931.120.079)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	141.935.147.461	186.385.254.583
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.483	3.260

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong năm nay.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.528.803.339.673	4.857.832.974.221
- Chi phí nhân công	225.792.021.685	252.888.639.932
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.634.778.845	46.281.300.886
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.699.892.148	204.669.426.543
- Các chi phí khác	204.477.492.762	288.940.139.538
Cộng	5.166.407.525.113	5.650.612.481.120

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VND)**1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**

Mã số 36. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông công ty mẹ	-	142.919.982.500
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	27.131.381.000	24.175.783.072
Cộng	27.131.381.000	170.079.265.572

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Văn Thiệu - CT.HĐQT	74.000.000	67.000.000
Ngô Văn Đông - TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.070.483.846	467.142.000
Lê Quốc Phong - TV.HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	-	53.555.000
Đỗ Quang Huy - TV.HĐQT	60.000.000	53.000.000
Phan Văn Tâm - TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	853.445.385	376.731.000
Nguyễn Bảo Vệ - TV.HĐQT	60.000.000	53.555.000
Cộng	2.117.929.231	1.070.983.000
Ban Tổng Giám đốc		
Võ Văn Phú - Phó Tổng Giám đốc	820.945.385	385.731.000
Trần Ngọc Hùng - Kế toán trưởng	766.945.385	394.731.000
Cộng	1.587.890.770	780.462.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

Ban kiểm soát	Kỳ này	Kỳ trước
Trương Minh Phú - Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	-	379.400.000
Nguyễn Huy Hiếu - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	44.000.000
Quản Đình Gang - TV. BKS	46.000.000	44.555.000
Bùi Nguyễn Phương Anh – TV.BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	278.592.175	54.887.500
Cộng	384.592.175	522.842.500
Cổ tức trả cho người nội bộ	-	73.685.000

3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ với Công ty
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)
Công ty CP DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP DAP 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP Xà Phòng Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Phân bón Bình Điền II	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Quản Đình Gang là Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 20/03/2026)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Huy Hiếu là Thành viên HĐQT)
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa Chất Cần Thơ	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

• Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
- Chia trả cổ tức	-	92.898.000.000
Công ty CP DAP – VINACHEM		
- Mua hàng	78.618.041.817	61.191.200.000
Công ty CP SX TM DV Mai Xá		
- Mua hàng	53.566.873.452	560.944.252

• Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5, V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón các loại.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Kỳ này**

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.247.141.996.228	796.761.509.424	5.043.903.505.652
Giá vốn hàng bán	3.655.599.133.621	731.368.859.406	4.386.967.993.027
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.542.862.607	65.392.650.018	656.935.512.625

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.140.518.808.197	948.306.083.860	6.088.824.892.057
Giá vốn hàng bán	4.405.009.906.787	896.348.141.353	5.301.358.048.140
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.508.901.410	51.957.942.507	787.466.843.917

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp khoản tiền gửi tiết kiệm, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình với tổng giá trị ghi sổ là 1.745.844.528.414 đồng (xem tại các Thuyết minh số V.2, V.3, V.7, V.9, V.11, V.20).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

6. Số liệu so sánh

Trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu của kỳ trước, do kỳ trước tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành, trong kỳ này đã được Đại hội cổ đông phê duyệt số chính thức.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.280	(20)	3.260
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.280	(20)	3.260

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) chọn lọc (tiếp theo)

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Kha Phường, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH						
1. Số dư đầu năm	675.981.847.204	570.205.695.523	65.286.657.624	13.087.406.444	17.147.507.272	1.341.709.114.067
2. Tăng trong kỳ	6.905.846.290	3.253.836.204	1.723.518.518	2.575.192.593	-	14.458.393.605
- Tăng do mua mới	263.812.963	3.253.836.204	1.723.518.518	2.575.192.593	-	7.816.360.278
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	6.642.033.327	-	-	-	-	6.642.033.327
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	9.806.098.377	3.625.516.478	204.800.000	1.490.033.856	15.126.448.711
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.806.098.377	3.625.516.478	204.800.000	1.490.033.856	15.126.448.711
4. Số dư cuối kỳ	682.887.693.494	563.653.433.350	63.384.659.664	15.457.799.037	15.657.473.416	1.341.041.058.961
II. GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ						
1. Số dư đầu năm	460.080.872.280	404.055.841.399	46.305.973.955	10.138.178.688	16.242.724.244	936.823.590.566
2. Tăng trong kỳ	17.199.534.795	19.703.685.777	2.257.767.861	644.731.510	263.452.710	40.069.172.653
- Khấu hao trong kỳ	17.199.534.795	19.703.685.777	2.257.767.861	644.731.510	263.452.710	40.069.172.653
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	9.806.098.377	3.625.516.478	204.800.000	1.490.033.856	15.126.448.711
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.806.098.377	3.625.516.478	204.800.000	1.490.033.856	15.126.448.711
4. Số dư cuối kỳ	477.280.407.075	413.953.428.799	44.938.225.338	10.578.110.198	15.016.143.098	961.766.314.508
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	215.900.974.924	166.149.854.124	18.980.683.669	2.949.227.756	904.783.028	404.885.523.501
2. Tại ngày cuối kỳ	205.607.286.419	149.700.004.551	18.446.434.326	4.879.688.839	641.330.318	379.274.744.453

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:

481.523.748.439

204.522.869.812

(Chi tiết xem tại mục V.20 - Thuyết minh Báo cáo tài chính).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhứt, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Tại ngày 01/01/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	215.631.331.436	13.191.833.055	433.465.658.893	259.777.197.419	1.517.976.010.003
Tăng trong kỳ	-	-	18.698.158.799	-	208.316.374.662	50.336.628.168	277.351.161.629
- Tăng từ KQKD	-	-	-	-	208.316.374.662	50.336.628.168	258.653.002.830
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	18.698.158.799	-	-	-	18.698.158.799
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(205.480.381.456)	(35.783.095.921)	(241.263.477.377)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(18.698.158.799)	-	(18.698.158.799)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(43.862.240.157)	(11.607.312.849)	(55.469.553.006)
- Chia cổ tức của năm 2024	-	-	-	-	(142.919.982.500)	(24.175.783.072)	(167.095.765.572)
- Tạm chia cổ tức của năm 2024	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	571.679.930.000	24.230.059.200	234.329.490.235	13.191.833.055	436.301.652.099	274.330.729.666	1.554.063.694.255
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026							
Tại ngày 01/01/2026	571.679.930.000	24.230.059.200	234.329.490.235	13.191.833.055	537.861.518.882	314.356.901.370	1.695.649.732.742
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	157.705.719.401	35.930.983.205	193.636.702.606
- Tăng từ KQKD	-	-	-	-	157.705.719.401	35.930.983.205	193.636.702.606
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(42.643.645.648)	(45.401.573.209)	(88.045.218.857)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm trước	-	-	-	-	(42.643.645.648)	(16.895.999.209)	(59.539.644.857)
- Chia cổ tức của năm 2025	-	-	-	-	-	(28.505.574.000)	(28.505.574.000)
Tại ngày 30/06/2026	571.679.930.000	24.230.059.200	234.329.490.235	13.191.833.055	652.923.592.635	304.886.311.366	1.801.241.216.491

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ



(*) Chỉ tiết tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tại ngày 01/01/2026	Lãi/(Lỗ) trong kỳ	Phân phối lợi nhuận	Tại ngày 30/06/2026
Công ty CP Bình Điền Mê Kông	33.960.343.630	3.139.354.641	(3.248.700.000)	33.850.998.271
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	61.867.469.823	5.368.406.960	(8.197.372.815)	59.038.503.968
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	99.585.896.355	8.813.618.752	(19.140.020.738)	89.259.494.369
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	118.943.191.562	18.609.602.852	(14.815.479.656)	122.737.314.758
Cộng	314.356.901.370	35.930.983.205	(45.401.573.209)	304.886.311.366

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

